

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 30/09/2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	6 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Nga
Ông Nguyễn Tuấn Huệ
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Bà Trần Thị Tuyết Nhung
Ông Thái Hồng Cương
Ông Nguyễn Tiến Mạnh
Ông Trần Anh Tuấn
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh
Bà Nguyễn Hồng Hải

Chức vụ

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Hồng Cương
Ông Nguyễn Tuấn Huệ
Ông Dương Ngọc Phương

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Thái Hồng Cương
Tổng Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 10 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		192,796,573,168	193,098,237,201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	93,014,379,174	71,258,671,068
1. Tiền	111		16,014,379,174	20,258,671,068
2. Các khoản tương đương tiền	112		77,000,000,000	51,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	16,949,005,000	1,725,056,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2,216,942,000	2,216,942,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(267,937,000)	(491,886,000)
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69,686,672,852	103,612,886,532
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	60,700,744,282	90,793,305,827
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1,961,056,958	6,417,519,120
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	9,989,415,581	8,751,589,368
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2,964,543,969)	(2,349,527,783)
IV. Hàng tồn kho	140	11	11,933,171,145	12,403,241,861
1. Hàng tồn kho	141		11,933,171,145	12,403,241,861
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,213,344,997	4,098,381,740
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	843,081,127	1,776,034,473
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		207,467,040	2,235,690,011
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	162,796,830	86,657,256
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		566,840,538,717	586,730,746,830
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18,149,506,090	19,940,681,796
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	18,923,137,296	19,940,681,796
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(773,631,206)	-
II. Tài sản cố định	220		236,615,969,633	180,642,485,285
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	236,432,832,916	180,423,921,346
- Nguyên giá	222		433,407,552,693	372,603,849,477
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(196,974,719,777)	(192,179,928,131)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	183,136,717	218,563,939
- Nguyên giá	228		7,756,737,875	7,756,737,875
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7,573,601,158)	(7,538,173,936)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	137,640,098,066	146,816,270,230
- Nguyên giá	231		292,811,845,771	292,696,693,953
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(155,171,747,705)	(145,880,423,723)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	1,503,558,681	63,398,409,667
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,503,558,681	63,398,409,667
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	125,556,119,646	127,757,094,002
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		125,556,119,646	127,757,094,002
VI. Tài sản dài hạn khác	260		47,375,286,601	48,175,805,850
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	47,030,035,203	47,796,682,857
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		345,251,398	379,122,993
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		759,637,111,885	779,828,984,031

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
			4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		132,364,503,262	154,263,666,220
I. Nợ ngắn hạn	310		64,515,132,910	107,911,003,872
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	26,903,032,699	59,181,790,229
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	3,090,846,710	2,248,935,714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	3,170,276,766	6,599,030,568
4. Phải trả người lao động	314		13,745,483,188	21,308,836,758
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	10,474,459,974	4,725,311,865
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		131,442,668	1,169,162,342
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	5,657,509,157	7,643,858,223
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	100,000,000	2,618,400,000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,242,081,748	2,415,678,173
II. Nợ dài hạn	330		67,849,370,352	46,352,662,348
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2,534,156,283	2,609,057,453
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	11,544,441,126	12,431,520,926
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	53,770,772,943	31,312,083,969
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		627,272,608,623	625,565,317,811
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	627,272,608,623	625,565,317,811
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600,000,000,000	600,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600,000,000,000	600,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,835,753,490	3,835,753,490
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		(1,150,250,000)	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4,633,817,489	24,030,360
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	5,007,400
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18,707,670,480	20,160,486,451
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11,713,107,346	(483,876,901)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,994,563,134	20,644,363,352
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1,245,617,164	1,540,040,110
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		759,637,111,885	779,828,984,031



Thái Hồng Cường
Tổng Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 28 tháng 10 năm 2017

Lê Văn Chiến
Kế toán trưởng

Lê Dương Thủy
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		384,552,692,706	449,149,889,829
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	384,552,692,706	449,149,889,829
4. Giá vốn hàng bán	11	28	329,353,351,777	385,291,822,500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		55,199,340,929	63,858,067,329
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	5,579,205,179	7,435,140,113
7. Chi phí tài chính	22	31	2,752,494,740	1,552,059,168
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,870,931,052	(2,081,628,354)
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		447,959,174	(2,973,083,837)
9. Chi phí bán hàng	25	34	9,627,467,634	14,316,723,785
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	41,984,710,285	37,106,812,654
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		6,861,832,623	15,344,527,998
12. Thu nhập khác	31	32	3,870,129,203	1,644,437,868
13. Chi phí khác	32	33	2,968,583,169	1,478,779,407
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		901,546,034	165,658,461
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7,763,378,657	15,510,186,459
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,029,366,873	3,199,466,065
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		33,871,595	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		6,700,140,189	12,310,720,394
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		6,994,563,134	12,297,521,850
18.2. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		(294,422,945)	13,198,544
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	112	205



Thái Hồng Cương
Tổng Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 28 tháng 10 năm 2017

Lê Văn Chiến
Kế toán trưởng

Lê Dương Thuý
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7,763,378,657	15,510,186,459
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	20,670,355,036	19,888,424,868
- Các khoản dự phòng	03	4,036,720,910	418,854,299
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	9,037,284	(657,789,194)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8,799,259,912)	(6,808,076,481)
- Chi phí lãi vay	06	2,870,931,052	3,614,140,177
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	26,551,163,027	31,965,740,128
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	43,459,136,210	62,793,619,973
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	589,162,036	38,986,878,660
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(36,280,458,514)	(63,865,657,736)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1,583,402,648	(24,345,483,262)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	73,905,000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2,877,128,708)	(3,506,380,549)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,423,501,856)	(3,981,722,262)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	77,062,361	2,243,525,338
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1,712,220,200)	(7,877,347,596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29,966,617,004	32,487,077,694
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(19,545,194,494)	(11,487,966,293)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	3,539,663,454	302,272,727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15,000,000,000)	(11,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	800,000,000	18,700,000,000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	300,389,731
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,857,054,963	4,018,504,688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27,348,476,077)	333,200,853
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	22,658,688,974	89,148,311,387
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3,518,400,000)	(138,682,513,516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19,140,288,974	(49,534,202,129)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	21,758,429,901	(16,713,923,582)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	71,258,671,068	157,164,714,359
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2,721,795)	(1,145,066)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	93,014,379,174	140,449,645,711



Thái Hồng Cương
Tổng Giám đốc

Lê Văn Chiến
Kế toán trưởng

Lê Dương Thủy
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam Quyết định số 3508/QĐ-BVHTTDL ngày 15/10/2015 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam thành Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3500101844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 01/03/2011; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 08 ngày 31/12/2015. Vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 đồng (tương đương với 60.000.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: Số 02 Lê Lợi, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2017 là 572 người (tại ngày 31/12/2016 là 615 người).

Hoạt động chính: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn, Biệt thự, Căn hộ, Nhà khách, Nhà nghỉ, nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự và các cơ sở lưu trú khác.

Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: Khách sạn, Biệt thự, Căn hộ, Nhà khách, Nhà nghỉ, nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự và các cơ sở lưu trú khác); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu sử dụng hoặc đi thuê;
- Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ; Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; hệ thống cấp, thoát nước; lò sưởi và điều hoà không khí; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến và bảo quản rau quả; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa biết phân vào đâu (chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); sản xuất cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi; sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Dịch vụ ăn uống và dịch vụ phục vụ đồ uống);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Mua bán hoá chất (trừ các hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông); phân bón, bán buôn hạt nhựa, xơ sợi.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình, cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; thiết bị thể thao, vui chơi giải trí, máy móc thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Cho thuê xe có động cơ (chi tiết: Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác)
- Hoạt động tư vấn quản lý; Cung ứng và quản lý nguồn lao động (chi tiết: các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm, cung ứng lao động tạm thời, cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước và nguồn lao động nước ngoài)
- Điều hành tour du lịch; Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Karaoke, kinh doanh dịch vụ hồ bơi);
- Quảng cáo, Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch (chi tiết: Dịch vụ đại lý bán vé máy bay);
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc (chi tiết: Dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài tại cụm khách sạn Grand và Khách sạn Palace tại Tp. Vũng Tàu;
- Phô tô, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo):

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (chi tiết: Tổ chức chương trình, sự kiện, hội thảo triển lãm)
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (chi tiết: tổ chức trình diễn các tác phẩm sân khấu);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao; hoạt động phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: Dịch vụ phục vụ cá nhân (Tắm hơi, massage và hoạt động tăng cường sức khoẻ tương tự; giặt là, may đo, phục vụ hôn lễ...); Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao, hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình; Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật của các công trình xây dựng; Khảo sát xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có vấn đề biến động lớn nào được đánh giá là có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ lập báo cáo tài chính tại ngày 30/09/2017.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam - Khách sạn Grand Palace;
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam - Khách sạn Rex;
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam - Khu dịch vụ Dầu khí Lam Sơn;
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu;
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Dịch vụ du lịch OSC Việt Nam;
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam tại thành phố Hà Nội;
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

Danh sách các Công ty con:

1. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí OSC;
2. Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch OSC First Holidays;
3. Công ty Cổ phần Truyền thông và sự kiện OSC;
4. Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ OSC Bến Lức;

Danh sách các Công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Địa ốc OSC;
2. Công ty Cổ phần Thể Thao Vũng Tàu;
3. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng OSC;
4. Công ty Cổ phần Hoàng Gia
5. Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười;
6. Công ty Cổ phần Khách sạn du lịch Thái Bình Dương;
7. Công ty TNHH Darby - Park Việt Nam;
8. Công ty TNHH Janhold - OSC;
9. Công ty TNHH OSC Duxton Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán của báo cáo tài chính hợp nhất quý là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO; báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ so sánh với cùng kỳ năm 2016.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết do Công ty đầu tư vốn;
- Các Cổ đông, Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất quý này được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam và báo cáo tài chính của 04 (bốn) Công ty con độc lập. Các giao dịch nội bộ và công nợ nội bộ giữa Công ty với các Công ty con, giữa các công ty con với nhau đã được loại trừ toàn bộ trên báo cáo tài chính hợp nhất quý này.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm:

STT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	Công ty con		
1	Công ty Cổ phần Truyền thông và Sự kiện OSC	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ OSC Bến Lức	86,50%	86,52%
3	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí OSC	100%	100%
4	Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch OSC First Holidays	60,00%	60,00%
	Công ty liên kết, liên doanh		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Địa ốc OSC	44,50%	44,50%
2	Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu	35,00%	35,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng OSC	33,58%	33,58%
4	Công ty Cổ phần Hoàng Gia	30,00%	30,00%
5	Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười	29,78%	29,78%
6	Công ty Cổ phần Khách sạn du lịch Thái Bình Dương	21,00%	21,00%
7	Công ty TNHH Darby - Park Việt Nam	35,00%	50,00%
8	Công ty TNHH Janhold - OSC	30,00%	50,00%
9	Công ty TNHH OSC Duxton Việt Nam.	45,45%	50,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Không có hướng dẫn mới nào về kế toán trong kỳ hoạt động này.

Hình thức kế toán áp dụng

Chứng từ ghi sổ bằng phần mềm trên máy vi tính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất :

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quý tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất quý yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30/09/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay, các khoản phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự; và theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong khoảng thời gian từ 03-08 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (khi chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Vốn điều lệ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá của cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty được phân phối theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3,058,256,964	3,590,482,096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12,825,706,814	16,427,224,120
Tiền đang chuyển	130,415,396	240,964,852
Các khoản tương đương tiền (i)	77,000,000,000	51,000,000,000
Cộng	<u>93,014,379,174</u>	<u>71,258,671,068</u>
<u>Ghi chú:</u>		

- (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15,000,000,000	-	15,000,000,000	-	-	-
NH TM CP Đông Nam Á- CN Vũng tàu	15,000,000,000		15,000,000,000			
b) Chứng khoán kinh doanh	2,216,942,000	267,937,000	1,949,005,000	2,216,942,000	491,886,000	1,725,056,000
Cổ phiếu Công ty CP Phân đạm và hóa chất DK	1,359,852,000	202,007,000	1,157,845,000	1,359,852,000	261,131,000	1,098,721,000
Cổ phiếu Công ty CP Dầu từ KCN Long Sơn	857,090,000	65,930,000	791,160,000	857,090,000	230,755,000	626,335,000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	130,937,465,712	5,381,346,066	125,556,119,646	130,937,465,712	3,180,371,710	127,757,094,002
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	130,937,465,712	5,381,346,066	125,556,119,646	130,937,465,712	3,180,371,710	127,757,094,002
Công ty CP Hoàng Gia	120,035,086	-	120,035,086	120,035,086	-	120,035,086
Công ty CP Đầu tư Xây dựng OSC	5,548,019,343		5,548,019,343	5,548,019,343	-	5,548,019,343
Công ty CP Đầu tư Phát triển Địa ốc OSC	13,531,203,972		13,531,203,972	13,531,203,972	-	13,531,203,972
Công ty CP Khách sạn Du lịch Thái Bình Dương	1,237,910,269		1,237,910,269	1,237,910,269	-	1,237,910,269
Công ty CP Khách sạn Du lịch Tháng Mười	2,417,352,123		2,417,352,123	2,417,352,123	-	2,417,352,123
Công ty CP Thể thao Vũng Tàu	2,947,441,172		2,947,441,172	2,947,441,172	-	2,947,441,172
Công ty TNHH OSC Duxton	61,390,591,896		61,390,591,896	61,390,591,896		61,390,591,896
Công ty TNHH Janhold OSC	13,125,503,801		13,125,503,801	13,125,503,801		13,125,503,801
Công ty TNHH Darby - Park VN	30,619,408,050		30,619,408,050	30,619,408,050		30,619,408,050
- Thay đổi giá trị thuần của khoản đầu tư		5,381,346,066	-5,381,346,066		3,180,371,710	-3,180,371,710

Ghi chú:

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định trên cơ sở giá gốc sau khi trừ đi giá trị dự phòng giảm giá đầu tư đã trích lập.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được xác định trên cơ sở hợp nhất các khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

c) Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Hoàng Gia	Vũng Tàu	67,905	30.00%	30.00%	Khách sạn, du lịch
Công ty CP Đầu tư Xây dựng OSC	Vũng Tàu	500,470	33.58%	33.58%	Xây dựng, bất động sản
Công ty CP Đầu tư Phát triển Địa ốc OSC	Vũng Tàu	890,000	44.50%	44.50%	Xây dựng, bất động sản
Công ty CP Khách sạn Du lịch Thái Bình Dương	Vũng Tàu	132,720	21.00%	21.00%	Khách sạn, nhà hàng
Công ty CP Khách sạn Du lịch Tháng Mười	Vũng Tàu	241,200	29.78%	29.78%	Dịch vụ du lịch, khách sạn
Công ty CP Thể thao Vũng Tàu	Vũng Tàu	280,000	35.00%	35.00%	Khách sạn, du lịch
Công ty TNHH OSC Duxton	Vũng Tàu	-	45.45%	50.00%	Khách sạn, du lịch
Công ty TNHH Janhold OSC	Vũng Tàu	-	30.00%	50.00%	Khách sạn, du lịch
Công ty TNHH Darby - Park VN	Vũng Tàu	-	35.00%	50.00%	Khách sạn, du lịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>60,554,776,862</u>	<u>90,717,604,856</u>
Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	-	11,540,286,746
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	3,070,259,956	4,454,012,638
Liên doanh Việt- Nga Vietsoyptero	3,792,017,500	7,730,398,964
Công ty CP Đầu tư Phát Triển Xây Dựng Số 1	2,281,863,958	2,971,760
Công ty TNHH APDS Việt Nam	615,950,287	1,820,930,068
Công ty CP Lạc Việt	1,163,602,523	1,783,267,821
Trường Cao Đẳng Nghề Dầu Khí	14,025,000	42,658,000
Công ty CP Kết Cấu Kim Loại & Lắp Máy Dầu Khí	-	7,247,617,643
OFFSHORE ENGINEERING RESOURCES PTE LTD	773,631,206	774,142,641
JSC "ARKTIKMORNEFTEGAZRAZVEDKA"	1,108,401,580	2,791,264,819
Công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan dầu khí	2,541,374,782	-
SERIKANDI OILFIELD SERVICES SDN BHD	-	8,704,080
TNK VIETNAM B.V (a Rosneft subsidiary)	1,746,664,844	1,829,450,181
Công ty TNHH Đóng tàu & Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	2,238,319,710	2,717,496,065
Công ty CP Thương mại Tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10,058,002,700	11,358,002,700
Chi nhánh phía Nam Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	1,707,952,688	6,969,475,670
CN Tổng công ty CP Vận tải Dầu Khí - Cty dịch vụ Hàng Hải	895,510,000	-
Các đối tượng khác	28,547,200,128	29,646,925,060
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	<u>145,967,420</u>	<u>75,700,971</u>
Công ty TNHH Darby - Park Việt Nam	3,592,875	3,398,964
Công ty CP Hoàng Gia	22,732,963	11,098,560
Công ty TNHH JANHOLD-OSC	86,332,598	42,882,972
Công ty CP Khách sạn Du lịch Tháng mười	15,329,984	18,320,475
Công ty TNHH OSC First Holydays	-	-
OSC Media	17,979,000	-
Cộng	<u>60,700,744,282</u>	<u>90,793,305,827</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>1,961,056,958</u>	<u>6,417,519,120</u>
Interpipe M.E. FZE (Dubai, UAE)	-	3,184,540,205
Itag L+R GMBH	-	20,122,900
Công ty TNHH Honda Việt Nam	925,548,638	1,652,513,176
Công ty TNHH Thang máy Mitsubishi Việt Nam	-	423,000,000
Các đối tượng khác	1,035,508,320	1,137,342,839
b) Trả trước cho người bán dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>1,961,056,958</u>	<u>6,417,519,120</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	9,989,415,581	303,363,992	8,751,589,368	-
Ký cược, ký quỹ	1,198,273,771	-	679,162,762	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1,390,970,089	-	176,333,127	-
Phải thu Tạm ứng của nhân viên	6,762,075,568	-	5,605,752,776	-
Phải thu về Bảo hiểm xã hội	7,968,421	-	18,487,207	-
Phải thu khác	630,127,732	303,363,992	2,271,853,496	-
Ông Ngô Văn Thu	433,377,131	303,363,992	433,377,131	-
Các khoản phải thu khác	196,750,601	-	1,838,476,365	-
b) Dài hạn	18,923,137,296	3,459,658,061	19,940,681,796	-
Ký cược, ký quỹ	842,201,334	-	2,324,464,105	-
- Cho mượn:	-	-	-	-
- Các khoản chi hộ:	-	-	-	-
Phải thu khác	18,080,935,962	3,459,658,061	17,616,217,691	-
Công ty TNHH OSC-Duxton Việt Nam (i)	17,456,017,691	3,459,658,061	17,480,017,691	-
Đối tượng khác	624,918,271	-	136,200,000	-
Cộng	28,912,552,877	3,763,022,053	28,692,271,164	-

Ghi chú:

- (i) Giá trị phải thu Công ty TNHH OSC-DUXTON: phản ánh số tiền Công ty TNHH OSC-DUXTON phải hoàn trả cho Công ty các khoản chi phí phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty TNHH OSC-DUXTON (bao gồm: Chi phí giải phóng mặt bằng 600.000 USD (tương đương 13.614.000.000 đồng), Tiền thuê đất và thuế đất phi nông nghiệp 3.330.969.826 đồng và Chi phí khác là 511.047.865 đồng).

10. NỢ XẤU

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Liên doanh Việt- Nga Vietsovetro	1,308,231,104	-	7,730,398,964	6,238,811,533
Công ty TNHH Đóng tàu & Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	2,239,728,700	2,011,936,762	-	-
Công ty TNHH Nhà máy sửa chữa & Đóng tàu Sài Gòn	875,144,600	846,484,100	-	-
HK GuoJu Trading Co.Ltd	234,669,560	-	-	-
Nguyễn Thị Thanh Mân	418,191,549	-	418,191,549	-
Ngô Văn Thu	427,258,180	-	433,377,131	130,013,139
OFFSHORE ENGINEERING	773,631,206	-	-	-
Khác	319,741,138	-	136,384,811	-
Cộng	6,596,596,037	2,858,420,862	8,718,352,455	6,368,824,672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường				-
Nguyên liệu, vật liệu	3,651,984,694	-	2,759,405,380	-
Công cụ, dụng cụ	359,527,479	-	318,030,336	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	327,515,942	-	351,178	-
Thành phẩm	13,719,853	-	67,853,666	-
Hàng hóa	7,580,423,177	-	9,257,601,301	-
Cộng	11,933,171,145	-	12,403,241,861	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ ĐÀU KHÍ VIỆT NAM
Số 02 Lê Lợi, Phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU B 09a-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2017	280,485,006,744	57,906,341,070	23,260,164,603	4,643,458,850	6,308,878,210	372,603,849,477					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	63,114,652,661	3,269,382,884	1,926,911,324	1,448,653,816,00		69,759,600,685					
- Tăng do điều chuyển nội bộ	70,753,005,790	5,248,353,036	1,926,911,324	1,495,936,206		79,424,206,356					
- Giảm do điều chuyển nội bộ	(70,753,005,790)	(4,645,073,765)	(1,926,911,324)	(1,495,936,206)		(78,820,927,085)					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3,554,947,867)	(5,862,649,936)	(35,336,210)		(9,452,934,013)					
- Giảm khác	(115,151,818)	8,909,091	-	-		(106,242,727)					
Tại ngày 30/09/2017	343,484,507,587	58,232,964,449	19,324,425,991	6,056,776,456	6,308,878,210	433,407,552,693					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2017	132,629,609,849	37,572,536,438	14,596,114,124	2,668,451,311	4,713,216,409	192,179,928,131					
- Khấu hao trong năm	7,350,365,640	2,441,472,809	1,096,167,942	235,984,226	312,431,499	11,436,422,116					
- Tăng do điều chuyển nội bộ	520,753,087	619,463,577	-	6,402,817	-	1,146,619,481					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2,754,827,141)	(4,275,246,118)	(29,594,071)	-	(7,059,667,330)					
- Giảm do điều chuyển nội bộ	(520,753,087)	(165,592,426)	-	(6,402,817)	-	(692,748,330)					
Giảm khác	(32,169,421)	(3,664,870)	-	-	-	(35,834,291)					
Tại ngày 30/09/2017	139,947,806,068	37,709,388,387	11,417,035,948	2,874,841,466	5,025,647,908	196,974,719,777					
Giá trị còn lại	147,855,396,895	20,333,804,632	8,664,050,479	1,975,007,539	1,595,661,801	180,423,921,346					
Tại ngày 01/01/2017	203,536,701,519	20,523,576,062	7,907,390,043	3,181,934,990	1,283,230,302	236,432,832,916					

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/09/2017 là 178.141.276.900 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 72.465.672.330 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	7,756,737,875	7,756,737,875
Giảm khác		-
Số cuối kỳ	<u>7,756,737,875</u>	<u>7,756,737,875</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	7,538,173,936	7,538,173,936
Khấu hao trong kỳ	35,427,222	35,427,222
Tăng khác	12,039,624	12,039,624
Số cuối kỳ	<u>7,573,601,158</u>	<u>7,573,601,158</u>
Giá trị còn lại		-
Số đầu năm	<u>218,563,939</u>	<u>218,563,939</u>
Số cuối kỳ	<u>183,136,717</u>	<u>183,136,717</u>

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tại ngày 01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/09/2017
	VND			VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	292,696,693,953	115,151,818	-	292,811,845,771
- Nhà cửa, vật kiến trúc	292,696,693,953	115,151,818		292,811,845,771
Giá trị hao mòn lũy kế	145,880,423,723	9,291,323,982	-	155,171,747,705
- Nhà cửa, vật kiến trúc	145,880,423,723	9,291,323,982		155,171,747,705
Giá trị còn lại	146,816,270,230	-	-	137,640,098,066
- Nhà cửa, vật kiến trúc	146,816,270,230	-	-	137,640,098,066

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Xây dựng cơ bản dở dang				
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	1,503,558,681	1,503,558,681	63,398,409,667	63,398,409,667
Trong đó:				
Dự án đầu tư nâng cấp Khách sạn REX	1,199,808,681	1,199,808,681	63,155,409,667	63,155,409,667
Dự án Khu đô thị OSC Sunrise	303,750,000	303,750,000	243,000,000	243,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	843,081,127	1,776,034,473
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	74,891,975	5,155,573
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	165,766,208	416,632,439
Các khoản khác	562,168,892	1,354,246,461
Bảo hiểm	40,254,052	
b) Dài hạn	47,030,035,203	47,796,682,857
Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất (i)	5,279,341,649	8,446,946,630
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng (ii)	29,414,606,312	29,939,113,181
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	362,346,056	106,269,582
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11,885,091,695	9,179,592,666
Các khoản khác	88,649,491	124,760,798

Ghi chú:

(i) Giá trị lợi thế kinh doanh các khu đất được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm 30/09/2014.

(ii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng phản ánh tiền thuê đất trả một lần tại Toà nhà số 161 Võ Văn Tần, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh: 25.405.784.270 đồng và tòa nhà số 38 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội: 4.008.822.042 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	26,901,282,139	26,901,282,139	59,175,690,279	59,175,690,279
Công ty TNHH Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất	8,854,589,104	8,854,589,104	16,345,942,720	16,345,942,720
Công ty TNHH Thép Vina Kyoel		-	5,145,833,000	5,145,833,000
ArcelorMittal Singapore Pte LTD		-	2,473,544,157	2,473,544,157
VILMAR SA	60,140,124	60,140,124	1,583,732,489	1,583,732,489
Công ty TNHH Posco SS Vina		-	6,729,665,551	6,729,665,551
Công ty TNHH Kim Hưng Phát	3,903,008,551	3,903,008,551	7,315,042,558	7,315,042,558
Công ty TNHH 3M Việt Nam	895,548,775	895,548,775	2,330,428,676	2,330,428,676
Công ty TNHH TM DV Lân Tân	196,837,000	196,837,000	916,882,600	916,882,600
Công ty TNHH Tuấn Vũ	1,060,033,970	1,060,033,970	733,693,520	733,693,520
Công ty TNHH Công nghệ sạch	234,385,958	234,385,958	460,606,809	460,606,809
- Công ty TNHH Phú Thuận TCT		-	-	-
- CÔNG TY CP THỰC PHẨM DẦU KHÍ		-	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Bosch Việt Nam tại Tl	54,377,724	54,377,724	349,912,370	349,912,370
Công ty TNHH Việt Tân	1,035,021,340	1,035,021,340	252,558,260	252,558,260
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế và Xây dựng Vân Anh		-	220,110,612	220,110,612
Công ty TNHH Minh Đoàn		-	468,974,000	468,974,000
Các đối tượng khác	10,607,339,593	10,607,339,593	13,848,762,957	13,848,762,957
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1,750,560	1,750,560	6,099,950	6,099,950
Công ty CP Đầu tư xây dựng OSC		-	1,599,950	1,599,950
Công ty CP Khách sạn Du lịch Tháng Mười OSC Media	1,750,560	1,750,560	4,500,000	4,500,000
		-	-	-
		-	-	-
Cộng	26,903,032,699	26,903,032,699	59,181,790,229	59,181,790,229

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3,090,846,710	2,248,935,714
Single Buoy Mooring INC	630,923,359	631,340,452
CTY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ NAM BỘ -MICCO	579,101,052	-
CTY CP Kinh doanh Vật liệu xây dựng số 15		623,855,000
Các đối tượng khác	1,880,822,299	993,740,262
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Cộng	3,090,846,710	2,248,935,714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/09/2017
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1,927,678,722	15,109,760,159	15,444,279,474	1,593,159,407
Thuế tiêu thụ đặc biệt	423,443,979	3,357,641,964	3,439,825,852	341,260,091
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	881,471,394	1,029,366,873	1,407,932,744	502,905,523
Thuế thu nhập cá nhân	492,436,305	1,600,007,294	1,907,069,640	185,373,959
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2,874,000,168	(623,166,416)	1,718,413,776	532,419,976
Thuế nhà thầu	-	300,774,718	285,616,908	15,157,810
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	22,582,648	22,582,648	-
Cộng	6,599,030,568	20,796,967,240	24,225,721,042	3,170,276,766
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	1,055,188,916	1,110,289,920	55,101,004
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,487,739	-	-	8,487,739
Thuế thu nhập cá nhân	78,169,517	82,461,097	91,686,908	87,395,328
	-	-	-	-
Cộng	86,657,256	1,876,946,763	1,953,086,337	162,796,830

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngân hạn	10,474,459,974	4,725,311,865
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn		2,975,829,700
Trích trước chi phí lãi tiền vay		8,197,989
Trích trước chi phí phạt giao hàng chậm	1,094,558,678	1,154,778,438
Trích trước chi phí kiểm toán	210,600,000	
TT Thù lao HĐQT + thù lao người đại diện tại Cty LK	283,500,000	
Trích trước tiền điện, nước, điện thoại	161,404,821	
Thuê đất	5,150,467,652	
Trang phục	23,305,000	
Tham quan	1,293,750,000	
Sửa chữa	32,100,543	
Trích trước chi phí các đơn hàng	186,138,101	
Chi phí trích trước khác	2,038,635,179	586,505,738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5,657,509,157	7,643,858,223
Kinh phí công đoàn	27,710,750	284,141,580
Bảo hiểm xã hội	982,801	302,657
Bảo hiểm y tế	170,099	56,700
Bảo hiểm thất nghiệp	75,600	37,800
Phải trả về cổ phần hoá		-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,976,482,000	4,337,746,600
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,652,087,907	3,021,572,886
b) Dài hạn	11,544,441,126	12,431,520,926
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11,117,785,200	11,709,865,000
Phải trả tiền đền bù trại gà Bình Giã	406,655,926	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20,000,000	721,655,926

22. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/09/2017</u>		<u>Trong kỳ</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	100,000,000	-	2,518,400,000	-	2,618,400,000	2,210,400,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vũng Tàu	-	-	2,210,400,000		2,210,400,000	2,210,400,000
Nhan Hạnh Nhơn	100,000,000		308,000,000		408,000,000	

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/09/2017</u>		<u>Trong kỳ</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay dài hạn	53,770,772,943	53,770,772,943	-	22,458,688,974	31,312,083,969	31,312,083,969
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Vũng Tàu	53,770,772,943	53,770,772,943	22,458,688,974		31,312,083,969	31,312,083,969

Ghi chú:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á: Hợp đồng tín dụng số REF1621100026 ngày 06/09/2016; Tổng số tiền cho vay tối đa: 105.000.000.000 đồng, không vượt quá 76%/tổng vốn đầu tư của dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp và mở rộng khách sạn Rex; Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: Đầu tư dự án cải tạo đầu tư nâng cấp khách sạn Rex; Lãi suất: 8%/ năm; Kể từ ngày 07/09/2017 lãi suất: 9,5%/ năm; Tài sản đảm bảo: Toàn bộ khách sạn Rex và toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư cải tạo nâng cấp khách sạn Rex số 01 Lê Quý Đôn, phường 1, thành phố Vũng Tàu và Quyền sử dụng đất số M434949 tại số 01 Lê Quý Đôn, phường 1, thành phố Vũng Tàu .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a.1) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ khác thuộc Chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	600,000,000,000	3,835,753,490	(644,007,680)	(410)	-	-	305,409,049	2,962,422,105	606,459,576,554
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	21,057,914,971	52,584,084	21,110,499,055
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(413,551,619)	-	(413,551,619)
Tăng/(giảm) khác	-	-	644,007,680	24,030,770	-	5,007,400	(789,285,950)	(1,474,966,079)	(1,591,206,179)
Số dư cuối năm trước	600,000,000,000	3,835,753,490	-	24,030,360	-	5,007,400	20,160,486,451	1,540,040,110	625,565,317,811
Điều chỉnh hồi tố	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	600,000,000,000	3,835,753,490	-	24,030,360	-	5,007,400	20,160,486,451	1,540,040,110	625,565,317,811
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6,994,563,134	(294,422,946)	6,700,140,188
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4,604,779,729	-	-	(6,199,682,539)	-	(1,594,902,810)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	5,007,400	(1,150,250,000)	(5,007,400)	(2,247,819,189)	-	(3,398,069,189)
Số dư cuối kỳ	600,000,000,000	3,835,753,490	-	4,633,817,489	(1,150,250,000)	-	18,707,547,857	1,245,617,164	627,272,486,000

a.2) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 31/12/2015, với mã số doanh nghiệp 3500101844, Công ty chính thức hoạt động là Công ty cổ phần từ ngày 31/12/2015 với Vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp 600.000.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG	464,125,570,000	258,000,000,000
Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	71,351,070,000	71,351,070,000
Nguyễn Thị Ngọc Anh	-	113,770,680,000
Nguyễn Thị Thanh	-	75,847,100,000
Các cổ đông khác	64,523,360,000	81,031,150,000
Cộng	600,000,000,000	600,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu năm	600,000,000,000
- Vốn góp cuối năm	600,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

d) Cổ phiếu

	30/09/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60,000,000	60,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60,000,000	60,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	60,000,000	60,000,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	107,500	-
- Cổ phiếu phổ thông	107,500	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59,892,500	60,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	59,892,500	60,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	290,613.42	11,460.41

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh thương mại, Bộ phận kinh doanh dịch vụ du lịch, Khách sạn, nhà hàng và xuất ăn và Bộ phận quản lý cho thuê Bất động sản. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh thương mại - sản xuất và phân phối hàng điện tử dân dụng.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ du lịch, Khách sạn, nhà hàng và xuất ăn - Quản lý Khách sạn, nhà hàng, cung cấp dịch vụ nấu ăn cho các nhà dàn, tàu thăm dò Dầu khí, dịch vụ du lịch.
- Bộ phận thuê tài sản - Quản lý hoạt động cho thuê Bất động sản.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh thương mại	Dịch vụ Khách sạn, Du lịch, suất ăn	Kinh doanh Bất động sản	Loại trừ	Tổng cộng
Năm 2017	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	170,283,403,736	176,811,587,308	39,352,626,851	(1,894,925,189)	384,552,692,706
Tổng doanh thu	<u>170,283,403,736</u>	<u>176,811,587,308</u>	<u>39,352,626,851</u>	<u>(1,894,925,189)</u>	<u>384,552,692,706</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	<u>17,904,020,196</u>	<u>21,632,720,581</u>	<u>16,229,466,776</u>	<u>(566,866,624)</u>	<u>55,199,340,929</u>
Chi phí không phân bổ					51,612,177,919
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					3,587,163,010
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết					447,959,174
Doanh thu từ các khoản đầu tư					5,579,205,179
Lãi (lỗ) khác					901,546,034
Chi phí tài chính					2,752,494,740
Lợi nhuận trước thuế					<u>7,763,378,657</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1,063,238,468
Lợi nhuận trong năm					<u>6,700,140,189</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty phân chia khu vực địa lý để quản lý hoạt động theo 03 Miền: Miền Nam bao gồm hoạt động tại các tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh; Miền Bắc bao gồm Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, hoạt động trong kỳ của Công ty chủ yếu (99%) tại Khu vực các tỉnh Miền Nam, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	384,552,692,706	449,149,889,829
Trong đó:		
- Doanh thu kinh doanh thương mại	169,710,696,676	263,421,475,933
- Doanh thu cung cấp bán thành phẩm	572,707,060	982,854,780
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	174,916,662,119	146,864,592,817
- Doanh thu cho thuê Bất động sản	39,352,626,851	37,880,966,299
Cộng	384,552,692,706	449,149,889,829

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá đã bán	151,800,225,448	239,579,947,977
Giá vốn thành phẩm đã bán	579,158,092	998,716,094
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	153,850,808,162	122,098,616,934
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	23,123,160,075	22,614,541,495
Cộng	329,353,351,777	385,291,822,500

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41,753,249,930	18,931,803,865
Chi phí nhân công	64,113,974,143	46,243,285,044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20,670,355,036	19,888,424,868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22,006,298,190	22,401,475,259
Chi phí tiền thuê đất	5,052,770,928	2,201,002,833
Chi phí khác bằng tiền	74,989,497,929	86,470,702,999
Cộng	228,586,146,156	196,136,694,868

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,566,199,069	2,219,065,222
Thu hoạt động liên kết - Câu lạc bộ Palace	3,338,086,020	3,176,763,082
Cổ tức, lợi nhuận được chia	49,270,000	689,837,848
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	75,806,818	2,572,242
Doanh thu hoạt động tài chính khác	549,843,272	1,346,901,719
Cộng	5,579,205,179	7,435,140,113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,870,931,052	841,120,764
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(223,949,000)	296,685,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47,973,800	-
Chi phí tài chính khác	57,538,888	414,253,404
Cộng	2,752,494,740	1,552,059,168

32. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	VND	VND
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	1,129,986,760	-
Thù lao Hội đồng Quản trị nhận được	462,290,736	530,102,004
Thu từ hỗ trợ an toàn lao động	514,364,400	-
Thu tiền từ phạt hợp đồng kinh tế	253,699,117	164,428,609
Thu nhập khác	1,509,788,190	949,907,255
Cộng	3,870,129,203	1,644,437,868

33. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	VND	VND
Giá trị còn lại của chi phí thanh lý tài sản cố định, CCDC	8,297,143	77,940,708
Chi tiền thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	673,200,000	360,000,000
Các khoản chi phí bị phạt	192,555,189	45,627,048
Chi phí khác	1,580,516,837	995,211,651
Chi hỗ trợ an toàn lao động	514,014,000	-
Cộng	2,968,583,169	1,478,779,407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	26,649,248,076	17,627,333,852
Chi phí khấu hao TSCĐ	832,819,540	1,233,584,515
Thuế, phí và lệ phí	225,000,000	-
Chi phí dự phòng	1,153,977,832	-
Các khoản chi phí QLDN khác	13,123,664,837	18,245,894,287
Cộng	41,984,710,285	37,106,812,654
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	2,484,206,228	2,363,534,977
Chi phí khấu hao TSCĐ	538,605,688	465,933,123
Thuế, phí và lệ phí	109,608,041	567,904,257
Chi phí vận chuyển	4,529,721,669	7,212,673,638
Các khoản chi phí bán hàng khác	1,965,326,008	3,706,677,790
Cộng	9,627,467,634	14,316,723,785

35. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,700,140,189	12,310,720,394
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	60,000,000	60,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	112	205
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10,000	10,000

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	53,870,772,943	33,930,483,969
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(93,014,379,174)	(71,258,671,068)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	627,272,608,623	625,565,317,811
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0.0%	0.0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	93,014,379,174	71,258,671,068
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77,838,234,096	108,508,182,358
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16,949,005,000	1,725,056,000
Các khoản ký quỹ	2,040,475,105	3,003,626,867
Cộng	189,842,093,375	184,495,536,293
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	53,870,772,943	33,930,483,969
Phải trả người bán và phải trả khác	44,074,293,172	78,966,530,691
Chi phí phải trả	10,474,459,974	4,725,311,865
Cộng	108,419,526,089	117,622,326,525

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất quốc tế, do đó Công ty chưa áp dụng.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất nào đáng kể do không phát sinh các khoản vay.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, tuy nhiên, giá trị đầu tư thấp theo đó Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/09/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	71,258,671,068	-	71,258,671,068
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89,585,045,062	18,923,137,296	108,508,182,358
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,725,056,000	-	1,725,056,000
Các khoản ký quỹ	2,378,708,596	624,918,271	3,003,626,867
Cộng	164,947,480,726	19,548,055,567	184,495,536,293
Tại ngày 30/09/2017			
Các khoản vay	2,618,400,000	31,312,083,969	33,930,483,969
Phải trả người bán và phải trả khác	66,535,009,765	12,431,520,926	78,966,530,691
Chi phí phải trả	4,725,311,865	-	4,725,311,865
Cộng	73,878,721,630	43,743,604,895	117,622,326,525
Chênh lệch thanh khoản thuần	91,068,759,096	(24,195,549,328)	66,873,209,768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2017

Tiền và các khoản tương đương tiền	71,258,671,068	-	71,258,671,068
Phải thu khách hàng và phải thu khác	88,567,500,562	19,940,681,796	108,508,182,358
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,725,056,000	-	1,725,056,000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	127,757,094,002	127,757,094,002
Các khoản ký quỹ	679,162,762	136,200,000	815,362,762
Cộng	162,230,390,392	147,833,975,798	310,064,366,190

Tại ngày 01/01/2017

Các khoản vay	2,618,400,000	31,312,083,969	33,930,483,969
Phải trả người bán và phải trả khác	66,535,009,765	12,431,520,926	78,966,530,691
Chi phí phải trả	4,725,311,865	-	4,725,311,865
Cộng	73,878,721,630	43,743,604,895	117,622,326,525

Chênh lệch thanh khoản thuần	88,351,668,762	104,090,370,903	192,442,039,665
-------------------------------------	-----------------------	------------------------	------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG	Cổ đông lớn – Công ty mẹ
Công ty CP Hoàng Gia	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng OSC	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Phát triển Địa ốc OSC	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Du lịch Thái Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Du lịch Tháng Mười	Công ty liên kết
Công ty CP Thể thao Du lịch OSC	Công ty liên kết
Công ty TNHH OSC Duxton	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Janhold OSC	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Darby - Park VN	Công ty liên doanh
Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan :

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016
	VND	VND
Bán hàng	1,485,996,804	292,034,119
Công ty CP Hoàng Gia	294,589,404	53,687,070
Công ty CP Khách sạn du lịch Tháng Mười	341,143,647	222,628,236
Công ty TNHH Darby-Park Việt Nam	31,414,023	15,718,813
CÔNG TY TNHH JANHOLD-OSC	818,849,730	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	17,603,318,444	17,555,718,662
Công ty TNHH Darby - Park Việt Nam	3,592,875	3,398,964
Công ty CP Hoàng Gia	22,732,963	11,098,560
Công ty TNHH JANHOLD-OSC	86,332,598	42,882,972
Công ty CP Khách sạn Du lịch Tháng mười	15,329,984	18,320,475
Công ty TNHH OSC First Holydays	1,333,333	-
OSC Media	17,979,000	-
Công ty TNHH OSC-Duxton Việt Nam (i)	17,456,017,691	17,480,017,691
Phải trả người bán	1,750,560	6,099,950
Công ty CP Đầu tư xây dựng OSC	-	1,599,950
Công ty CP Khách sạn Du lịch Tháng Mười	-	4,500,000
OSC Media	1,750,560	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Từ ngày <u>01/01/2017 đến</u> <u>ngày 30/09/2017</u>	Từ ngày <u>01/01/2016 đến</u> <u>ngày 30/09/2016</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	2,004,316,322	2,024,384,117
Cộng	2,004,316,322	2,024,384,117



Thái Hồng Cương
Tổng Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 28 tháng 10 năm 2017

Lê Văn Chiến
Kế toán trưởng

Lê Dương Thủy
Người lập biểu